

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QTKD

Số: 1150 /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận tốt nghiệp hệ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành “Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh”;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ đại học đợt 3 năm 2026 lần 1 ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho 321 sinh viên hệ đại học chính quy, đợt 3 năm 2026 lần 1 (Có phụ lục và danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác – HSSV, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để c/d);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

Hạng tốt nghiệp Ngành đào tạo	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Tổng số sinh viên tốt nghiệp
Kế toán	0	1	39	50	90
Quản trị kinh doanh	0	3	41	32	76
Kinh tế	0	1	6	5	12
Kinh tế đầu tư	0	0	4	8	12
Kinh tế phát triển	0	0	3	0	3
Kinh doanh quốc tế	0	0	3	3	6
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1	2	7	3	13
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	0	0	12	10	22
Marketing	0	1	16	16	33
Quản lý công	1	1	6	4	12
Luật kinh tế	0	3	6	5	14
Tài chính - Ngân hàng	0	2	18	8	28
Tổng số	2	14	161	144	321

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2026 LẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1753403010146	Đồng Thị Huệ	04/05/1999	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K14 - Kế toán Tổng hợp A	Kế toán	Kế toán tổng hợp	127	6,19	2,01	Trung bình	
2	DTE1873403010064	Nguyễn Ánh Dương	04/12/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Kế toán Tổng hợp B	Kế toán	Kế toán tổng hợp	126	6,48	2,24	Trung bình	
3	DTE1953403010009	Nguyễn Thị Lâm Anh	05/11/2001	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K16 - Kế toán Tổng hợp B	Kế toán	Kế toán tổng hợp	130	6,87	2,42	Trung bình	
4	DTE1953403010284	Lê Thị Mai Thương	13/11/2001	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chí	K16 - Kế toán Tổng hợp C	Kế toán	Kế toán tổng hợp	129	6,17	2,06	Trung bình	
5	DTE1953403010311	Nguyễn Khánh Linh	20/03/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Kế toán Tổng hợp C	Kế toán	Kế toán tổng hợp	130	6,17	2,03	Trung bình	
6	DTE1873403010380	Quách Thị Sao	10/10/1993	Thanh Hoá	Nữ	Mường	K15 - Kế toán Doanh nghiệp B	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	126	6,28	2,04	Trung bình	
7	DTE1953403010107	Nguyễn Hồng Minh	03/07/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Kế toán Kiểm toán	Kế toán	Kế toán kiểm toán	137	7,43	2,9	Khá	
8	DTE2153403010027	Trần Huy Hoàng	11/11/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	126	6,38	2,14	Trung bình	
9	DTE2153403010272	Nguyễn Thị Duyên	15/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,32	2,02	Trung bình	
10	DTE2153403010241	Phạm Thúy Nga	12/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,95	2,56	Khá	
11	DTE2153403010293	Phí Thị Hương Quỳnh	10/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,99	2,51	Khá	
12	DTE2153403010183	Dương Ngọc Thương	21/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,19	2,06	Trung bình	
13	DTE2253403010399	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	30/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Mường	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,55	2,3	Trung bình	
14	DTE2253403010396	Hoàng Tiến Đạt	07/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Sán Chí	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,7	2,3	Trung bình	
15	DTE2253403010129	Lê Thị Thu Hà	31/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,05	2,57	Khá	
16	DTE2253403010130	Trương Minh Hạnh	08/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,22	2,66	Khá	
17	DTE2253403010151	Hoàng Thị Minh Tâm	18/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,97	2,52	Khá	
18	DTE2253403010278	Trần Thị Bích Thảo	16/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,23	2,05	Trung bình	
19	DTE2253403010201	Lê Thị Hậu	01/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,7	2,45	Trung bình	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
20	DTE2253403010428	Hoàng Thị Thùy Linh	21/06/2004	Lào Cai	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,25	2,01	Trung bình	
21	DTE2253403010225	Phan Thùy Linh	28/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,91	2,49	Trung bình	
22	DTE2253403010231	Chu Thị My	21/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,99	3,16	Khá	
23	DTE2253403010367	Nguyễn Minh Thanh	03/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,01	2,54	Khá	
24	DTE2253403010371	Nguyễn Phương Thảo	07/04/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,06	2,5	Khá	
25	DTE2253403010297	Dương Thị Hương Trà	24/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,89	2,53	Khá	
26	DTE2253403010299	Vũ Thanh Trà	20/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,04	2,57	Khá	
27	DTE2253403010305	Diệp Thị Quỳnh Trang	15/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,13	2,62	Khá	
28	DTE2253403010317	Hoàng Công Tuấn	29/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,33	2,83	Khá	
29	DTE2253403010378	Đỗ Xuân Tuệ	21/01/2006	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,02	2,55	Khá	
30	DTE2053403010084	Lê Thị Hoàng Lan	10/10/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,18	2,02	Trung bình	
31	DTE2053403010300	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,37	2,13	Trung bình	
32	DTE2053403010289	Dương Thị Nguyệt	25/04/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,21	2,03	Trung bình	
33	DTE2153403010048	Trần Thu Hương	21/09/2002	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chí	K18 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,39	2,2	Trung bình	
34	DTE2153403010056	Đào Nguyên Thọ	03/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	128	6,25	2,08	Trung bình	
35	DTE2153403010510	Hứa Ngọc Ánh	17/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	128	7	2,61	Khá	
36	DTE2153403010163	Dương Quỳnh Hoa	01/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,54	2,24	Trung bình	
37	DTE2153403010125	Nguyễn Thị Hoài Thương	18/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,83	2,5	Khá	
38	DTE2153403010419	Vũ Mai Trang	28/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,45	2,17	Trung bình	
39	DTE2153403010508	Trương Văn Hùng	19/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	Kế toán	Kế toán	125	6,23	2,02	Trung bình	
40	DTE2153403010426	Nguyễn Thị Thuý Nga	29/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	Kế toán	Kế toán	125	6,99	2,55	Khá	
41	DTE2153403010498	Ngô Thị Minh Nguyệt	29/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN E	Kế toán	Kế toán	131	7,05	2,55	Khá	
42	DTE2253403010014	Nguyễn Nhật Cường	24/11/2004	Hung Yên	Nam	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	128	6,9	2,59	Khá	
43	DTE2253403010425	Trần Thị Thu Hà	27/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,36	2,17	Trung bình	

Số và ký hiệu: 1150/QĐ-ĐHK
Ngày ban hành: 28/09/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
44	DTE2253403010017	Nguyễn Hồng Hạnh	16/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	128	6,83	2,52	Khá	
45	DTE2253403010388	Lê Quỳnh Hương	29/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,01	2,56	Khá	
46	DTE2253403010046	Trần Diệu Hương	17/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,31	2,06	Trung bình	
47	DTE2253403010230	Ngô Thiên Lý	26/04/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,46	2,9	Khá	
48	DTE2253403010354	Nguyễn Thị Hà My	28/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,57	2,22	Trung bình	
49	DTE2253403010027	Phạm Thu Trà	21/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,43	2,18	Trung bình	
50	DTE2253403010013	Bùi Thanh Tú	07/08/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,06	2,65	Khá	
51	DTE2253403010069	Ngô Tú Anh	29/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,81	2,42	Trung bình	
52	DTE2253403010072	Lê Thị Ngọc Ánh	05/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,28	2,82	Khá	
53	DTE2253101010017	Đào Việt Bắc	02/01/2006	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,22	2,02	Trung bình	
54	DTE2253403010035	Lê Dương Bình	30/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,59	2,27	Trung bình	
55	DTE2253403010038	Thân Thị Ngọc Chuyên	05/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	126	7,03	2,56	Khá	
56	DTE2253403010082	Phạm Thúy Hằng	05/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,2	2,05	Trung bình	
57	DTE2253403010131	Nguyễn Thị Huế	27/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7	2,56	Khá	
58	DTE2253403010442	Dương Thị Mai Hương	28/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,93	2,38	Trung bình	
59	DTE2253403010086	Nguyễn Thị Thu Hương	23/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,22	2,04	Trung bình	
60	DTE2253403010087	Trần Thu Hương	25/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,84	2,5	Khá	
61	DTE2253403010095	Bùi Thùy Linh	28/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,03	2,58	Khá	
62	DTE2253403010061	Nguyễn Thị Tâm	14/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,89	2,55	Khá	
63	DTE2253403010111	Võ Thị Hoài Thương	24/11/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,49	2,2	Trung bình	
64	DTE2253403010310	Hoàng Thị Lê Trang	23/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,15	2	Trung bình	
65	DTE2253403010114	Nguyễn Thị Tuyết	05/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,35	2,14	Trung bình	
66	DTE2253403010116	Mã Thị Hải Yến	29/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,55	2,21	Trung bình	
67	DTE2253403010179	Nguyễn Bảo Chi	04/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,25	2,03	Trung bình	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
68	DTE2253403010200	Đỗ Phương Hào	03/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,46	2,16	Trung bình	
69	DTE2253403010210	Diêm Thị Hồng	21/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,42	2,15	Trung bình	
70	DTE2253403010213	Nguyễn Xuân Hương	06/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,35	2,86	Khá	
71	DTE2253403010436	Hoàng Thị Liễu	19/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	128	6,94	2,52	Khá	
72	DTE2253403010239	Ngô Thị Bảo Ngọc	14/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,16	2,68	Khá	
73	DTE2253403010247	Nguyễn Phương Nhi	25/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,53	2,26	Trung bình	
74	DTE2253403010431	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29/02/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,42	2,82	Khá	
75	DTE2253403010269	Chu Thuý Quỳnh	10/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	128	6,58	2,3	Trung bình	
76	DTE2253403010267	Nguyễn Thuý Quỳnh	16/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,6	2,32	Trung bình	
77	DTE2253403010266	Trịnh Thị Thuý Quỳnh	14/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,41	2	Trung bình	
78	DTE2253403010289	Nguyễn Thị Hoài Thương	03/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	128	6,94	2,62	Khá	
79	DTE2253403010316	Dương Thị Cẩm Tú	12/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,71	2,32	Trung bình	
80	DTE2253403010318	Nguyễn Thị Tuyết	07/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	6,19	2,04	Trung bình	
81	DTE2253403010324	Ngô Thị Yến	13/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	128	6,93	2,55	Khá	
82	DTE2253403010351	Đồng Thị Mơ	05/12/2004	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	128	6,89	2,5	Khá	
83	DTE2253403010360	Hà Lê Uyên Nhi	19/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,9	2,47	Trung bình	
84	DTE2253403010440	Lê Thị Thanh Thùy	06/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,36	2,12	Trung bình	
85	DTE2253403010287	Đỗ Thị Anh Thư	04/12/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,91	3,2	Giỏi	
86	DTE2253403010411	Nông Thùy Trang	04/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,89	3,12	Khá	
87	DTE2253403010374	Trần Thị Quỳnh Trâm	27/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,7	2,3	Trung bình	
88	DTE2253403010315	Đào Trần Thanh Trúc	16/10/2004	Hung Yên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,33	2,14	Trung bình	
89	DTE2153403010315	Từ Thị Cẩm Tú	12/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	7,68	3,03	Khá	
90	DTE2153403010345	Lê Thảo Vy	17/10/2003	Hà Nam	Nữ	Kinh	K18 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	7,82	3,08	Khá	
91	DTE1753401150012	Nguyễn Thị Hoài	16/01/1999	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K14 - Quản trị Marketing	Marketing	Quản trị Marketing	127	6,5	2,26	Trung bình	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
92	DTE1753401150031	Lý Thị Thương	17/11/1999	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K14 - Quản trị Marketing	Marketing	Quản trị Marketing	128	6,3	2,11	Trung bình	
93	DTE2153401150051	Hoàng Thị Việt Chinh	17/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,48	2,8	Khá	
94	DTE2153401150012	Hà Thị Thu Hiền	17/04/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,31	2	Trung bình	
95	DTE2253401150158	Lê Quỳnh Anh	04/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,88	2,52	Khá	
96	DTE2253401150013	Nguyễn Hoàng Mai Anh	05/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,34	2,07	Trung bình	
97	DTE2253401150093	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	28/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,58	2,24	Trung bình	
98	DTE2253401150095	Trịnh Thị Ánh	27/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,84	2,42	Trung bình	
99	DTE2253401150161	Nguyễn Thị Thu Duyên	24/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,75	2,42	Trung bình	
100	DTE2253401150043	Vũ Minh Hiếu	14/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,93	2,5	Khá	
101	DTE2253401150164	Trần Thị Hòa	24/12/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,94	2,56	Khá	
102	DTE2253401150115	Nguyễn Thị Hoài	10/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,52	2,22	Trung bình	
103	DTE2253401150015	Nguyễn Thị Huyền	09/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,57	2,25	Trung bình	
104	DTE2253401150123	Nguyễn Thu Huyền	08/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,36	2,16	Trung bình	
105	DTE2253401150048	Nguyễn Văn Tiến Lâm	18/08/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,15	2,66	Khá	
106	DTE2253401150070	Hoàng Thùy Linh	08/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,49	2,89	Khá	
107	DTE2253401150100	Hoàng Thị Dịu	12/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,2	2,69	Khá	
108	DTE2253401150111	Ngô Thị Hồng Hạnh	11/09/2004	Hà Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,97	3,23	Giỏi	
109	DTE2253401150122	Trần Thanh Huyền	28/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,85	3,14	Khá	
110	DTE2253401150067	Lại Thị Nhật Lệ	10/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7	2,58	Khá	
111	DTE2253401150130	Đào Khánh Linh	18/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,1	2,53	Khá	
112	DTE2253401150073	Cao Thị Hương Mai	17/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,52	2,94	Khá	
113	DTE2253401150146	Nguyễn Thị Như Quỳnh	27/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,89	2,53	Khá	
114	DTE2253401150082	Mai Thị Trà	01/04/2004	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,27	2,76	Khá	
115	DTE2253401150084	Nguyễn Thị Trang	25/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,28	2,75	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
116	DTE2253401150083	Phạm Thị Trang	24/01/2004	Yên Bái	Nữ	Mường	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,06	2,62	Khá	
117	DTE2253401150096	Đặng Ngọc Ánh	02/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,64	2,26	Trung bình	
118	DTE2253401150170	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,89	2,42	Trung bình	
119	DTE2253401150213	Phó Thị Khánh Ly	17/03/2002	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	126	6,82	2,52	Khá	
120	DTE2253401150197	Bùi Phương Thảo	12/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,5	2,16	Trung bình	
121	DTE2253401150178	Lưu Thị Thu	26/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,6	2,29	Trung bình	
122	DTE2253401150056	Nguyễn Thị Minh Thu	04/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,79	2,43	Trung bình	
123	DTE2253401150200	Nguyễn Thị Thanh Thúy	04/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,18	2,04	Trung bình	
124	DTE1958101030017	Nguyễn Thị Yến Linh	18/08/2001	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K16 - Quản trị Kinh doanh Khách sạn và Du lịch	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	127	7,24	2,61	Khá	
125	DTE2058101030101	Ma Thị Hương Lan	25/11/2002	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	7,35	2,82	Khá	
126	DTE2158101030003	Tạc Thị Ngọc Bích	12/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Cao Lan	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	6,39	2,14	Trung bình	
127	DTE2158101030046	Trần Thị Huyền Trang	15/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	6,78	2,38	Trung bình	
128	DTE2258101030039	Phạm Thị Lan Anh	01/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	7,61	2,93	Khá	
129	DTE2258101030022	Vũ Thị Quỳnh Diệu	05/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	7,47	2,95	Khá	
130	DTE2258101030027	Nguyễn Thị Hương	08/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	7,78	3,11	Khá	
131	DTE2258101030041	Trần Thị Cẩm Ly	02/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	7,91	3,21	Giỏi	
132	DTE2258101030016	Tô Ngọc Nương	20/11/2004	Cao Bằng	Nữ	Thái	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	7,21	2,68	Khá	
133	DTE2258101030007	Nguyễn Thị Quỳnh	27/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	125	6,67	2,31	Trung bình	
134	DTE2258101030059	Olugbenga Olumide Samuel	23/05/1993	Nigeria	Nam	Người nước ngoài	K18 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị du lịch và khách sạn chất lượng cao	126	7,65	2,97	Khá	
135	DTE2258101030049	De Torres Macatangay Princess Jewel	28/04/2004	Philippines	Nữ	Người nước ngoài	K18 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị du lịch và khách sạn chất lượng cao	125	8,46	3,53	Giỏi	
136	DTE2158101030042	Trần Thị Thúy Vân	08/06/2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	K18 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị du lịch và khách sạn chất lượng cao	125	8,68	3,61	Xuất sắc	
137	DTE1873801070011	Nguyễn Hải Duy	25/10/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	K15 - Luật Kinh doanh A	Luật kinh tế	Luật kinh doanh	132	6,39	2,04	Trung bình	
138	DTE1873801070027	Nguyễn Quang Huy	24/02/2000	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K15 - Luật Kinh doanh A	Luật kinh tế	Luật kinh doanh	128	6,4	2,05	Trung bình	
139	DTE2053801070027	Vũ Hoàng Anh	03/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,04	3,28	Giỏi	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
140	DTE2253801070016	Nguyễn Ngọc Ánh	16/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,89	3,1	Khá	
141	DTE2253801070077	Sùng A Ca	20/05/2004	Lai Châu	Nam	H' mông	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,48	2,15	Trung bình	
142	DTE2253801070076	Lê Khánh Hằng	31/05/2003	Điện Biên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,54	2,88	Khá	
143	DTE2253801070055	Nguyễn Thị Mai Hoa	10/09/2004	Bắc Kạn	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,02	3,31	Giỏi	
144	DTE2253801070056	Ma Thị Thúy Hường	16/10/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,02	2,55	Khá	
145	DTE2253801070069	Đỗ Hữu Kiên	02/02/2003	Phú Thọ	Nam	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,92	2,5	Khá	
146	DTE2253801070022	Phí Thị Xuân Mai	31/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,74	3,08	Khá	
147	DTE2253801070014	Nguyễn Tiến Phan	15/02/2004	Hoà Bình	Nam	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,41	2,17	Trung bình	
148	DTE2253801070041	Ninh Thị Thảo	15/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,98	3,24	Giỏi	
149	DTE2253801070067	Đỗ Thị Thu Trang	29/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,24	2,67	Khá	
150	DTE2253801070063	Nguyễn Hữu Tùng	01/11/2004	Cao Bằng	Nam	Tày	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,54	2,3	Trung bình	
151	DTE2153404030063	Đặng Trần Tấn	21/01/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,27	2,69	Khá	
152	DTE2153404030042	Dương Ngọc Thành	03/07/2003	Bắc Kạn	Nam	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	6,16	2	Trung bình	
153	DTE2153404030104	Bùi Thị Thúy Hằng	19/01/2002	Hà Nam	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,11	2,62	Khá	
154	DTE2153404030115	Hoàng Ngọc Mai	10/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	6,49	2,23	Trung bình	
155	DTE2153404030064	Hà Thị Thảo	06/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,32	2,75	Khá	
156	DTE2253404030006	Phạm Huyền Dịu	03/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	6,61	2,3	Trung bình	
157	DTE2253404030036	Vũ Hữu Dương	19/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	8,03	3,22	Giỏi	
158	DTE2253404030047	Hoàng Thị Phương	09/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,52	2,86	Khá	
159	DTE2253404030024	Lê Hiền Thảo	02/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,2	2,66	Khá	
160	DTE2253404030027	Nguyễn Văn Thuận	29/05/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	8,57	3,66	Xuất sắc	
161	DTE2253404030032	Trần Thị Thùy Trang	03/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	6,52	2,25	Trung bình	
162	DTE2253404030044	Lê Tường Vy	21/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,3	2,74	Khá	
163	DTE2153402010175	Lại Vũ Trang Ly	06/07/2003	Hà Giang	Nữ	Kinh	K18 - Tài chính Chất lượng cao	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính chất lượng cao	125	7,88	3,18	Khá	

Số và ký hiệu: 1150/QĐ-ĐHK
Ngày ban hành: 28/09/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
164	DTE2153402010082	Nguyễn Thị Huệ	01/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	6,25	2,1	Trung bình	
165	DTE2253402010071	Phan Huệ Chi	14/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,35	2,89	Khá	
166	DTE2253402010040	Hoàng Trần Diệp Linh	06/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,24	2,7	Khá	
167	DTE2253402010120	Hoàng Thu Phương	05/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	6,99	2,54	Khá	
168	DTE2253402010113	Nguyễn Hải Yến	15/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,06	2,55	Khá	
169	DTE1873402010026	Lý Diệu Hân	03/05/1998	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chi	K15 - Tài chính Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	129	7,34	2,85	Khá	
170	DTE1873402010033	Nguyễn Trung Hiếu	25/03/2000	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K15 - Tài chính Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	127	7,12	2,67	Khá	
171	DTE1953402010089	Trần Quang Huy	10/07/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K16 - Tài chính Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	127	6,17	2,04	Trung bình	
172	DTE1953402010038	Vũ Khánh Linh	18/12/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Tài chính Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	127	6,24	2,16	Trung bình	
173	DTE2253402010115	Hoàng Thị Vân Anh	27/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,04	2,62	Khá	
174	DTE2253402010012	Nguyễn Phương Anh	27/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,96	2,5	Khá	
175	DTE2253402010016	Ngô Kim Chi	13/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,77	3,14	Khá	
176	DTE2253402010009	Dương Thúy Quỳnh	16/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,61	2,98	Khá	
177	DTE2253402010137	Nguyễn Thị Tuyền	13/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,44	2,28	Trung bình	
178	DTE2253402010142	Trương Thị Phương Uyên	26/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,45	2,26	Trung bình	
179	DTE2253402010048	Nguyễn Hà Vy	15/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,02	2,51	Khá	
180	DTE2253402010050	Nguyễn Triệu Tiến An	04/05/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,04	2	Trung bình	
181	DTE2253402010053	Lộc Thị Minh Ánh	01/09/2004	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,52	2,24	Trung bình	
182	DTE2253402010055	Nguyễn Thị Bạch Dương	22/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,32	2,73	Khá	
183	DTE2253402010078	Dương Thu Hiền	26/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,98	3,23	Giỏi	
184	DTE2253402010082	Đinh Thị Lam	14/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,85	2,5	Khá	
185	DTE2253402010086	Nguyễn Hương Linh	16/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,67	2,97	Khá	
186	DTE2253402010061	Đặng Kim Ngân	25/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,92	2,53	Khá	
187	DTE2253402010063	Trần Kim Oanh	20/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	8,11	3,34	Giỏi	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
188	DTE2253402010121	Mai Đức Thành	06/02/2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	6,74	2,43	Trung bình	
189	DTE2253402010107	Hoàng Thanh Trúc	12/09/2003	Yên Bái	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,03	2,52	Khá	
190	DTE2253402010108	Nguyễn Văn Tuấn	04/05/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Ngân hàng	125	7,81	3,06	Khá	
191	DTE2053101040050	Đồng Quang Trường	27/06/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,28	2,09	Trung bình	
192	DTE2153101040073	Trần Thị Kim Oanh	25/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,84	2,46	Trung bình	
193	DTE2253101040041	Dương Đức Anh	28/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,14	2,1	Trung bình	
194	DTE2253101040015	Nguyễn Đức Chính	14/04/2004	Thái Nguyên	Nam	Sán Cháy	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,01	2,56	Khá	
195	DTE2253101040008	Lưu Thị Thu Hiền	04/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,27	2,77	Khá	
196	DTE2253101040039	Dương Quang Hoàng	29/10/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,62	2,93	Khá	
197	DTE2253401010278	Nguyễn Thị Nhài	26/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,49	2,29	Trung bình	
198	DTE2253101040034	Trần Thị Phương Thảo	04/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,61	2,2	Trung bình	
199	DTE2253101040001	Trần Thị Minh Thúy	18/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,66	2,34	Trung bình	
200	DTE2253101040006	Nguyễn Minh Tiến	20/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,14	2,02	Trung bình	
201	DTE2253101040002	Nguyễn Kim Tuyền	17/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,19	2,52	Khá	
202	DTE2253101040021	Trần Hải Yến	15/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,88	2,49	Trung bình	
203	DTE2253101010060	Nguyễn Tùng Dương	16/06/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,92	3,21	Giỏi	
204	DTE2253101010058	Hoàng Văn Đăng	14/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,6	2,25	Trung bình	
205	DTE2253101010073	Nguyễn Thị Hương Giang	19/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,9	2,55	Khá	
206	DTE2253101010018	Lý Thị Hồng Hạnh	18/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,56	2,23	Trung bình	
207	DTE2253101010049	Nguyễn Thị Vân Khánh	14/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,98	2,61	Khá	
208	DTE2253101010012	Trần Văn Lương	22/12/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,38	2,06	Trung bình	
209	DTE2253101010062	Nguyễn Hải Nam	15/08/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	128	7,14	2,63	Khá	
210	DTE2253101010051	Đặng Thị Hồng Nhung	09/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,38	2,82	Khá	
211	DTE2253101010037	Hà Thị Cẩm Nhung	16/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,32	2,07	Trung bình	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
212	DTE2253101010038	Lưu Tiến Quang	27/06/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,25	2,1	Trung bình	
213	DTE2253101010057	Nguyễn Hải Yên	20/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,87	2,54	Khá	
214	DTE2253101010024	Nguyễn Thị Hải Yên	15/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,08	2,56	Khá	
215	DTE2153101050030	Nguyễn Vũ Vi Anh	19/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	125	7,16	2,64	Khá	
216	DTE2153101050033	Âu Vi Giang	15/04/2003	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	128	7,06	2,6	Khá	
217	DTE2153101050040	Hoàng Thị Thu Hoài	21/01/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	125	7,55	3,02	Khá	
218	DTE2253401200009	Hoàng Thị Kim Chi	24/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	6,97	2,5	Khá	
219	DTE2253401200011	Triệu Thị Huyền	14/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,01	2,53	Khá	
220	DTE2253401200007	Lê Thị Trà My	11/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	6,26	2,05	Trung bình	
221	DTE2258101030054	Inthanachack Phetnakhone	15/01/2003	LÀO	Nữ	Người nước ngoài	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,61	3,02	Khá	
222	DTE2253401200020	Saymany Saengtavan	01/08/2004	LÀO	Nữ	Người nước ngoài	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	126	6,76	2,41	Trung bình	
223	DTE2353401200007	Nguyễn Thị Hạnh	20/8/2005	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K20 Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	6,4	2,14	Trung bình	
224	DTE2055106050018	Phạm Đức Điệp	05/11/2002	Nam Định	Nam	Kinh	K17 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,31	2,07	Trung bình	
225	DTE2155106050015	Dương Thị Thảo	06/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	7,21	2,73	Khá	
226	DTE2155106050057	Đoàn Đức Trung	24/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,26	2	Trung bình	
227	DTE2255106050005	Nguyễn Thị Chi	16/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,88	2,46	Trung bình	
228	DTE2255106050010	Nguyễn Thị Diễm	26/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,29	2,05	Trung bình	
229	DTE2255106050011	Luân Thị Quỳnh Giang	31/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	7,35	2,87	Khá	
230	DTE2255106050054	Hứa Thị Thu Hà	19/03/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,93	2,51	Khá	
231	DTE2253401010225	Phí Minh Hiếu	16/11/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,63	2,3	Trung bình	
232	DTE2255106050069	Cao Việt Hòa	21/07/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,96	2,51	Khá	
233	DTE2255106050027	Phan Thị Hoài	01/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,34	2,05	Trung bình	
234	DTE2255106050028	Cao Bích Hồng	25/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,7	2,33	Trung bình	
235	DTE2255106050030	Lê Diệu Hương	10/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,94	2,54	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
236	DTE2255106050013	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,4	2,13	Trung bình	
237	DTE2253401010234	Nguyễn Tùng Linh	26/06/2004	Bắc Kạn	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	7,24	2,72	Khá	
238	DTE2255106050068	Nguyễn Thị Loan	10/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,29	2,04	Trung bình	
239	DTE2255106050075	Trần Đức Long	09/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,96	2,54	Khá	
240	DTE2255106050015	Tạ Hoa Mai	24/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,9	2,51	Khá	
241	DTE2255106050036	Hoàng Trà My	07/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,71	2,39	Trung bình	
242	DTE2255106050039	Vũ Thị Yến Nhi	28/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	7,25	2,71	Khá	
243	DTE2255106050066	Lê Thị Quỳnh Trang	23/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,88	2,54	Khá	
244	DTE2255106050063	Bùi Công Trung	05/04/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	6,99	2,52	Khá	
245	DTE2255106050050	Đặng Thị Hồng Tuyền	07/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	125	7,14	2,67	Khá	
246	DTE1953401010032	Nguyễn Thị Thu Hương	19/05/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	130	6,42	2,11	Trung bình	
247	DTE1953402010044	Ngô Phương Thảo	05/08/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	127	7,21	2,7	Khá	
248	DTE2158101030022	Trịnh Anh Hào	03/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	7,18	2,67	Khá	
249	DTE2153401010001	Long Thanh Huyền	25/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	7,85	3,05	Khá	
250	DTE2153401010219	Nguyễn Yến Linh	16/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	8,11	3,28	Giỏi	
251	DTE2153401010281	Hoàng Thị Quỳnh Trang	23/09/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	7,52	2,91	Khá	
252	DTE2153401010353	Đỗ Thị Tuyết	30/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	7,6	2,87	Khá	
253	DTE2053401010291	Nguyễn Hoàng Dương	16/12/2002	Thái Nguyên	Nam	Nùng	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	135	7,4	2,83	Khá	
254	DTE2053401010007	Ngô Quang Hưng	18/04/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,27	2,08	Trung bình	
255	DTE2053401010068	Đoàn Duy Khánh	31/12/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,27	2,05	Trung bình	
256	DTE2053401010139	Nguyễn Thành Trung	11/05/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,17	2	Trung bình	
257	DTE2153401010160	Phạm Ngọc Ánh	08/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,91	2,5	Khá	
258	DTE2153401010178	Nguyễn Đức Thiện	06/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,22	2,02	Trung bình	
259	DTE2153401010262	Hoàng Thị Mai Hường	11/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,98	2,55	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
260	DTE2153401010375	Nguyễn Duy Mạnh	14/11/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,1	2,02	Trung bình	
261	DTE2153401010186	Trần Tiến Đạt	19/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	128	6,39	2,13	Trung bình	
262	DTE2153401010211	Dương Khánh Duy	24/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,18	2,01	Trung bình	
263	DTE2253401010114	Dương Việt Anh	16/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,44	2,22	Trung bình	
264	DTE2253401010119	Nguyễn Huy Cường	08/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	128	6,16	2,09	Trung bình	
265	DTE2253401010213	Lê Viết Đạt	26/03/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,71	3,01	Khá	
266	DTE2253401010017	Lâm Thị Hồng Hào	10/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,62	2,34	Trung bình	
267	DTE2253401010134	Nguyễn Thị Thanh Hoa	26/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,12	2,04	Trung bình	
268	DTE2253401010021	Đặng Quốc Huy	02/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Sán Dìu	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,89	2,52	Khá	
269	DTE2253401010083	Ngô Thị Ngọc Linh	26/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,96	2,53	Khá	
270	DTE2253401010023	Trương Thị Diệu Ly	20/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,36	2,09	Trung bình	
271	DTE2253401010165	Bùi Đức Nam	13/05/2004	Hoà Bình	Nam	Mường	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,37	2,16	Trung bình	
272	DTE2253401010005	Dương Vũ Nam	12/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,26	2,06	Trung bình	
273	DTE2253401010306	Nguyễn Thị Hương Sen	22/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	128	6,94	2,52	Khá	
274	DTE2253401010201	Lý Mai Trang	09/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,24	2,01	Trung bình	
275	DTE2253401010200	Nguyễn Thùy Trang	04/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,07	2,57	Khá	
276	DTE2253401010102	Trần Văn Viên	10/05/2004	Thái Nguyên	Nam	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	128	6,08	2,04	Trung bình	
277	DTE2253401010103	Nghiêm Ngọc Vũ	10/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,19	2,7	Khá	
278	DTE2253401010013	Dương Hoài An	01/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,88	2,5	Khá	
279	DTE2253401010216	Trần Thái Việt Anh	28/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,17	2,66	Khá	
280	DTE2253401010038	Dương Kim Chi	25/09/2004	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	128	7,2	2,63	Khá	
281	DTE2253401010039	Phạm Thanh Thanh Chúc	10/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,98	2,5	Khá	
282	DTE2253401010016	Nguyễn Hoàng Dương	30/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,11	2,64	Khá	
283	DTE2253401010308	Lương Thùy Hiền	15/11/2003	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,33	2,83	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
284	DTE2253401010235	Đinh Ngọc Linh	15/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,02	3,22	Giỏi	
285	DTE2253401010236	Vũ Thị Hải Lộc	24/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,81	2,35	Trung bình	
286	DTE2253401010163	Đỗ Trọng Minh	26/03/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,81	2,46	Trung bình	
287	DTE2253401010298	Nguyễn Dương Nhật Minh	20/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,04	2,6	Khá	
288	DTE2253401010293	Hà Thị Minh Ngọc	23/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,03	2,54	Khá	
289	DTE2253401010307	Nguyễn Thu Phương	18/01/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,69	2,39	Trung bình	
290	DTE2253401010241	Nguyễn Thị Quỳnh	14/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,07	2,54	Khá	
291	DTE2253401010280	Dương Trung Thành	27/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,91	2,54	Khá	
292	DTE2253401010245	Nông Thị Thủy	01/10/2004	Lào Cai	Nữ	Giáy	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,97	2,54	Khá	
293	DTE2253401010058	Đinh Thu Trang	20/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,63	2,31	Trung bình	
294	DTE2253401010206	Ma Phúc Tùng	09/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,88	2,51	Khá	
295	DTE2253401010208	Dương Thị Tươi	01/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,39	2,83	Khá	
296	DTE2253401010265	Hà Thị Hồng Tươi	27/03/2004	Bắc Kạn	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,05	2,64	Khá	
297	DTE2253401010108	Nguyễn Thị Vân Anh	16/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,76	2,46	Trung bình	
298	DTE2253401010112	Nguyễn Ngọc Ánh	16/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,43	2,22	Trung bình	
299	DTE2253401010111	Trần Thị Minh Ánh	05/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,74	3,1	Khá	
300	DTE2253401010118	Trần Thị Kim Cúc	28/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,55	2,2	Trung bình	
301	DTE2253401010122	Lý Thị Thủy Dương	16/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Dìu	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,48	2,18	Trung bình	
302	DTE2253401010276	Lương Thu Hiền	04/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,55	2,16	Trung bình	
303	DTE2253401010137	Phạm Quốc Hội	25/04/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,33	2,04	Trung bình	
304	DTE2253401010143	Nguyễn Việt Hương	27/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,45	2,9	Khá	
305	DTE2253401010155	Ngô Thị Thanh Lam	23/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,01	3,26	Giỏi	
306	DTE2253401010156	Nguyễn Thị Thủy Linh	04/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,47	2,83	Khá	
307	DTE2253401010159	Trần Văn Long	02/04/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,39	2,24	Trung bình	

Số và ký hiệu: 1150/QĐ-ĐHK		KT&QTKD-ĐT												
Ngày ban hành: 28/09/2026														
STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
308	DTE2253401010164	Vi Anh Minh	03/05/2004	Thái Nguyên	Nam	Sán Diu	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,35	2,76	Khá	
309	DTE2253401010179	Dương Hoàng Phúc	07/06/2004	Bắc Kạn	Nam	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,41	2,18	Trung bình	
310	DTE2253401010243	Đào Thị Tâm	10/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Chi	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,09	2,63	Khá	
311	DTE2253401010189	Nguyễn Phương Thảo	03/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,33	2,08	Trung bình	
312	DTE2253401010192	Nguyễn Thanh Thảo	09/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,94	2,51	Khá	
313	DTE2253401010187	Lê Thị Hồng Thắm	02/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7	2,53	Khá	
314	DTE2253401010262	Nguyễn Lê Thu	23/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,41	2,14	Trung bình	
315	DTE2253403010158	Dương Quân Tiến	11/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,01	2,54	Khá	
316	DTE2253401010203	Lê Thị Trang	19/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,84	2,54	Khá	
317	DTE2253401010249	Ngô Quang Tuyền	12/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,39	2,14	Trung bình	
318	DTE2253401010288	Vũ Thị Hà Vi	01/07/2004	Yên Bái	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,26	2,69	Khá	
319	DTE2253401010141	Vương Công Hùng	03/09/2004	Yên Bái	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,72	3,06	Khá	
320	DTE2253401010154	Hoàng Thị Kim	05/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,04	2,5	Khá	
321	DTE2253401010166	Ngô Văn Nam	02/08/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	128	7,03	2,55	Khá	

Ấn định danh sách 321 sinh viên./